

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



Mình đã Scan 27/01/2021.

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

MỤC LỤC	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08 - 09
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 33



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10 (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10 là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301114000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 08 năm 2010. Thay đổi lần thứ 4, ngày cấp 10 tháng 09 năm 2015.

Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ đô thị và Quản lý nhà quận 10 theo Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 05/07/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ: 53.856.000.000 đồng

Vốn thực góp: 53.856.395.109 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 466, Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 3957 4731

Fax: 028 3957 4745

Mã số thuế: 0301114000

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Hội đồng thành viên:	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tấn Mỹ	Chủ tịch	25/06/2021	
Ông Tạ Bằng	Chủ tịch		25/06/2021
Ông Nguyễn Văn Thảo	Thành viên		
Ông Huỳnh Hữu Huy	Thành viên		

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát	Chức vụ
Bà Đặng Thị Mộng Tuyền	Kiểm soát viên

Ban Giám đốc và kế toán trưởng:

Ban Giám đốc và kế toán trưởng:	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Thảo	Giám đốc
Ông Trần Văn Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Thông	Phó Giám đốc
Bà Lâm Thị Tuyết Nhung	Kế toán trưởng

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là quản lý, duy tu bảo dưỡng các công trình đô thị, công trình công cộng; quản lý, cho thuê, bảo dưỡng và nâng cấp nhà thuộc sở hữu nhà nước, thực hiện mua bán nhà; đầu tư khai thác bến bãi vận tải đường bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; thu gom và xử lý rác thải; cho thuê thiết bị vận tải; dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ngày 07/5/2019 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 1738/QĐ-UBND về quy định phân công thực hiện Quy trình chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần. Công ty đang tiến hành các thủ tục theo quy định.

Trừ vấn đề nêu trên, không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022

Thay mặt và Đại diện Ban Giám đốc



Nguyễn Văn Thảo
Giám đốc

Số 004.../2022/BCKiTTT-TBD

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10, được lập ngày 25 tháng 01 năm 2022, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10 tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TIẾP THEO)

Các vấn đề khác

Công ty đang tạm trích quỹ tiền lương năm 2021 của viên chức quản lý và người lao động theo Thông báo số 5315/TB-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2021 của UBND Quận 10 về kế hoạch lao động, quỹ tiền lương kế hoạch năm 2021 của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10. Hiện Công ty đang chờ quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2021.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2022

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên



Trần Minh Bảo

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3219-2020-196-1

A blue ink signature of the auditor, Nguyễn Thị Bích Thủy.

Nguyễn Thị Bích Thủy

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1725-2018-196-1



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND				
TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2021	TẠI NGÀY 01/01/2021
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		98.433.025.352	100.783.043.232
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		21.478.454.735	17.248.895.211
1. Tiền	111	V.01	8.478.454.735	14.248.895.211
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.000.000.000	3.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		39.000.000.000	54.100.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	39.000.000.000	54.100.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.547.750.920	26.944.786.400
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	32.585.630.244	24.384.706.440
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	2.234.595.000	710.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	1.727.525.676	1.850.079.960
IV. Hàng tồn kho	140		1.283.693.443	2.365.791.803
1. Hàng tồn kho	141	V.06	1.283.693.443	2.365.791.803
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		123.126.254	123.569.818
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	123.126.254	123.569.818
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		102.644.623.704	104.419.861.043
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		36.573.775.481	37.618.107.694
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	36.573.775.481	37.618.107.694
Nguyên giá	222		69.209.274.003	68.516.870.738
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.635.498.522)	(30.898.763.044)
III. Bất động sản đầu tư	230		66.027.547.711	65.966.138.246
Nguyên giá	231	V.09	89.957.501.754	89.695.760.477
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(23.929.954.043)	(23.729.622.231)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		43.300.512	835.615.103
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	43.300.512	835.615.103
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		201.077.649.056	205.202.904.275

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

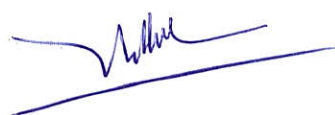
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2021	TẠI NGÀY 01/01/2021
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		76.728.039.323	80.994.528.076
I. Nợ ngắn hạn	310		38.306.855.039	46.842.405.328
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	2.825.609.305	1.466.438.490
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	551.626.744	2.641.461.380
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	4.853.951.429	3.721.725.733
4. Phải trả người lao động	314	V.13	9.310.517.179	15.245.214.385
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	182.097.303	346.850.251
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	11.172.037.680	15.975.525.272
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	9.411.015.399	7.445.189.817
II. Nợ dài hạn	330		38.421.184.284	34.152.122.748
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16	22.676.183.633	17.079.959.798
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	13.616.213.993	15.392.807.369
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.18	2.128.786.658	1.679.355.581
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		124.349.609.733	124.208.376.199
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	58.571.967.709	58.571.967.709
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		53.856.395.109	53.856.395.109
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.715.572.600	4.715.572.600
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.20	65.777.642.024	65.636.408.490
1. Nguồn kinh phí	431		136.522.693	258.313.456
2. Nguồn kinh phí đã hình thành	432		65.641.119.331	65.378.095.034
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		201.077.649.056	205.202.904.275

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022



Phạm Ngọc Thu
Người lập biểu





Lâm Thị Tuyết Nhung
Kế Toán Trưởng

Nguyễn Văn Thảo
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	92.879.417.405	97.067.074.733
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		92.879.417.405	97.067.074.733
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	78.901.700.539	81.132.360.392
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.977.716.866	15.934.714.341
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	2.343.606.180	3.210.803.655
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.04	10.317.373.163	11.716.718.349
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.003.949.883	7.428.799.647
11. Thu nhập khác	31	VI.05	2.516.829.243	903.512.913
12. Chi phí khác	32	VI.06	2.516.176	26.985.980
13. Lợi nhuận khác	40		2.514.313.067	876.526.933
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.518.262.950	8.305.326.580
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	1.878.107.033	2.309.413.947
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.640.155.917	5.995.912.633

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022


Phạm Ngọc Thu
Người lập biểu


Lâm Thị Tuyết Nhung
Kế Toán Trưởng


Nguyễn Văn Thảo
Giám đốc



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		108.141.449.647	141.193.776.338
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(12.750.792.834)	(12.222.140.189)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(41.765.002.867)	(34.021.373.173)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(4.282.649.089)	(1.835.686.047)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		12.938.014.585	21.338.580.972
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(57.164.834.330)	(167.205.544.021)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		5.116.185.112	(52.752.386.120)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.863.636.364)	(3.710.000.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.977.010.776	2.726.152.212
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(886.625.588)	(983.847.788)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		4.229.559.524	(53.736.233.908)

3578759
CÔNG TY
TNHH
ẨM TỎA
LÀNH DƯỠI
HỒ HỒ C

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		17.248.895.211	70.985.129.119
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		21.478.454.735	17.248.895.211

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022



Phạm Ngọc Thu
Người lập biểu



Lâm Thị Tuyết Nhung
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thảo
Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 10 là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301114000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 08 năm 2010. Thay đổi lần thứ 4, ngày cấp 10 tháng 09 năm 2015. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ đô thị và Quản lý nhà quận 10 theo Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 05/07/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước chủ sở hữu

- Vốn điều lệ: 53.856.000.000 VND

- Vốn thực góp: 53.856.395.109 VND

Trụ sở đặt tại: Số 466, Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ công ích, xây dựng,...

3. Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là quản lý, duy tu bảo dưỡng các công trình đô thị, công trình công cộng; quản lý, cho thuê, bảo dưỡng và nâng cấp nhà thuộc sở hữu nhà nước, thực hiện mua bán nhà; đầu tư khai thác bến bãi vận tải đường bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; thu gom và xử lý rác thải; cho thuê thiết bị vận tải; dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Nhân viên

Số lượng cán bộ công nhân viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 Công ty có 275 người.

6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Ngày 07/5/2019 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 1738/QĐ-UBND về quy định phân công thực hiện Quy trình chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần. Công ty đang tiến hành các thủ tục theo quy định.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VNĐ) trong hạch toán kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng thương mại nơi Công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ;

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch ngân hàng thương mại nơi Công ty giao dịch tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Nhập trước xuất trước

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo);
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn.

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được Chi phí phát sinh và Chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

d. Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo phương pháp tỉ lệ phần trăm công việc hoàn thành dựa vào mức độ hoàn thành công việc vào ngày kết thúc năm tài chính.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt tại quỹ	11.756.822	33.118.311
+ Tiền mặt tại quỹ VNĐ	11.756.822	33.118.311
Tiền gửi ngân hàng VND	8.466.697.913	14.215.776.900
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN10	6.984.824.788	13.052.329.882
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN10 (B Nguyễn Kim)	898.024.089	895.285.590
Ngân hàng TMCP Đông Á	-	500.374
Ngân hàng TMCP Rộng Việt	-	7.881.866
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	578.854.708	252.973.833
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	147.652
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà HCM	4.994.328	6.657.703
Các khoản tương đương tiền	13.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-Chi nhánh 10	13.000.000.000	3.000.000.000
Tổng cộng	21.478.454.735	17.248.895.211

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2021	01/01/2021
- Tiền gửi có kỳ hạn		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-Chi nhánh 10	24.000.000.000	36.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà HCM	15.000.000.000	18.100.000.000
Tổng cộng	39.000.000.000	54.100.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

3.	Phải thu khách hàng	31/12/2021	01/01/2021
	Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
	- Phải thu tiền thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước	22.676.183.633	17.079.959.798
	- Phải thu các dịch vụ thu gom rác	799.179.100	599.109.600
	- BQL Đầu Tư Xây Dựng Công Trình Quận 10	7.543.221.019	4.806.072.528
	- Phải thu tiền bán nhà đường cao thẳng	-	378.540.000
	- Phải thu Phòng tài nguyên Môi trường Quận 10	684.169.996	727.730.767
	- Phải thu Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn	204.549.000	443.491.100
	- Các khách hàng khác	678.327.496	349.802.647
	Tổng cộng	32.585.630.244	24.384.706.440
4.	Trả trước cho người bán	31/12/2021	01/01/2021
	- Trả trước tiền Nguyễn Tấn Thuận (các công trình)	1.202.930.000	600.000.000
	- Trả trước tiền Nguyễn Thanh Việt (các công trình)	921.665.000	-
	- Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC	55.000.000	55.000.000
	- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam	55.000.000	55.000.000
	Tổng cộng	2.234.595.000	710.000.000
5.	Các khoản phải thu khác	31/12/2021	01/01/2021
	Ngắn hạn	Gia trịDự phòng	Gia trịDự phòng
	Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	375.375.280-	485.544.695-
	Các khoản tạm ứng nhân viên	102.944.000-	31.000.000-
	Phải thu thuế TNCN	117.008.232-	71.515.899-
	Phải khấu hao TSCĐ chung cư Lê Thị Riêng	111.870.385-	135.909.961-
	Phải thu về cổ phần hóa	545.184.404-	545.184.404-
	Phải thu Bảo lãnh ngân hàng	62.796.882-	6.495.796-
	Phải thu nhà vệ sinh	8.596.301	59.600.843
	Phải thu công viên Z756	391.945.865-	499.608.441-
	Khác	11.804.327-	15.219.921-
	Tổng cộng	1.727.525.676-	1.850.079.960-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6. Hàng tồn kho	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	375.324.205	-	373.824.144	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	908.369.238	-	1.991.967.659	-
Tổng cộng	1.283.693.443	-	2.365.791.803	-

7. Chi phí trả trước	01/01/2021	31/12/2021
a Chi phí trả trước ngắn hạn		
- Chi phí đồng phục cho nhân viên năm 2022	123.126.254	123.569.818
Tổng cộng	123.126.254	123.569.818
b Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ	43.300.512	835.615.103
Số dư cuối năm	43.300.512	835.615.103

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2021	30.099.128.365	36.332.130.089	2.085.612.284	68.516.870.738
- Mua trong năm		2.863.636.364		2.863.636.364
- Thanh lý, nhượng bán		(2.136.134.000)	(35.099.099)	(2.171.233.099)
Số dư ngày 31/12/2021	30.099.128.365	37.059.632.453	2.050.513.185	69.209.274.003
Khấu hao lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2021	12.545.409.953	16.798.413.721	1.554.939.370	30.898.763.044
- Khấu hao trong năm	1.081.530.308	2.685.184.541	141.253.728	3.907.968.577
- Thanh lý, nhượng bán		(2.136.134.000)	(35.099.099)	(2.171.233.099)
Số dư ngày 31/12/2021	13.626.940.261	17.347.464.262	1.661.093.999	32.635.498.522
Giá trị còn lại				
Số dư ngày 01/01/2021	17.553.718.412	19.533.716.368	530.672.914	37.618.107.694
Số dư ngày 31/12/2021	16.472.188.104	19.712.168.191	389.419.186	36.573.775.481
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng bao gồm:				
Nhà cửa, vật kiến trúc	2.855.415.550			
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	9.133.923.361			
Dụng cụ quản lý	1.344.244.543			
Tổng cộng	13.333.583.454			

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

9. Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư

Nguyên giá	Nhà sản xuất, kinh doanh	Chung cư và nhà SHNN	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2021	6.055.856.936	83.639.903.541	89.695.760.477
Tăng (ký hợp đồng thuê mới trong năm)		294.383.058	294.383.058
Giảm (bán trong năm,...)		(32.641.781)	(32.641.781)
Số dư ngày 31/12/2021	6.055.856.936	83.901.644.818	89.957.501.754
Khấu hao lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2021	5.467.813.724	18.261.808.507	23.729.622.231
Khấu hao trong năm	201.614.832		201.614.832
Giảm (bán trong năm,...)		(1.283.020)	(1.283.020)
Số dư ngày 31/12/2021	5.669.428.556	18.260.525.487	23.929.954.043
Giá trị còn lại			
Số dư ngày 01/01/2021	588.043.212	65.378.095.034	65.966.138.246
Số dư ngày 31/12/2021	386.428.380	65.641.119.331	66.027.547.711

Bất động sản tăng trong năm do ký hợp đồng thuê mới ; giảm trong năm do bán theo quy định.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

10. Phải trả người bán	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>				
- Phải trả cho đội thi công Ngô Tấn Đức		-	-	-
- Phải trả cho đội thi công Nguyễn Tấn Thuận	1.976.295.828	1.976.295.828	1.399.984.017	1.399.984.017
- Phải trả cho đội thi công Nguyễn Thanh Việt	849.313.477	849.313.477	58.054.473	58.054.473
- Phải trả các đối tượng khác	-	-	8.400.000	8.400.000
Tổng cộng	2.825.609.305	2.825.609.305	1.466.438.490	1.466.438.490

11. Người mua trả tiền trước	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Người mua trả tiền trước thuộc dự án công trình Cao Thắng	210.000.000	210.000.000	210.000.000	210.000.000
- Người mua trả trước thuộc dự án Phố đi bộ đêm	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty Cổ phần KASATI	330.000.000	330.000.000		-
- Thuế GTGT của hoạt động chăm sóc cây xanh	-	-	226.904.935	226.904.935
- Người mua trả tiền trước kinh phí XD NVS công cộng & KD hoa kiểng	-	-	196.556.445	196.556.445
- Khách hàng khác	11.626.744	11.626.744	8.000.000	8.000.000
Tổng cộng	551.626.744	551.626.744	2.641.461.380	2.641.461.380

357073
 CÔNG TY TNHH
 MỘT THÀNH VIÊN
 DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10
 PHỐ ĐI BỘ ĐÊM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

12. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021
Thuế GTGT	1.094.343.450	8.344.450.693	8.275.053.775	1.163.740.368
Thuế TNDN (*)	2.220.294.224	2.977.323.632	4.282.649.089	914.968.767
Thuế TNCN	86.161.702	407.846.885	359.256.766	134.751.821
Tiền thuê đất	-	3.741.102.885	3.741.102.885	-
Thuế nhà đất		120.685.964	120.685.964	-
Các loại thuế khác		4.000.000	4.000.000	-
Nộp trả ngân sách Quận	226.284.976	-	226.284.976	-
Các khoản phải nộp khác (tiền nhà SHNN)	94.641.381	6.740.490.473	4.194.641.381	2.640.490.473
Tổng cộng	3.721.725.733	22.335.900.532	21.203.674.836	4.853.951.429

Số thuế phải nộp của doanh nghiệp chưa được Cơ quan Thuế quyết toán. Do đó, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

13. Phải trả công nhân viên

	31/12/2021	01/01/2021
- Lương công nhân viên	8.412.541.658	14.127.832.864
- Lương viên chức quản lý	897.975.521	1.117.381.421
Tổng cộng	9.310.517.179	15.245.214.385

14. Chi phí phải trả

<i>Ngắn hạn</i>	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí phải trả thực hiện các dịch vụ công ích bên ngoài	182.097.303	346.850.251
Tổng cộng	182.097.303	346.850.251

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

15. Phải trả khác**a. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2021	01/01/2021
- Lô D Ngô Gia Tự và Lô S Nguyễn Kim	322.948.612	329.617.225
- Thu tiền thuê nhà lô R c/c Nguyễn Kim	11.682.776	1.885.877
- Thu tiền thuê nhà c/c Trần Văn Kiêu	10.064.327	2.103.383
- Thu tiền bán nhà Cao ốc A Ngô Gia Tự	19.456.943	205.228.176
- Thu tiền bán nhà Cao ốc A Nguyễn Kim	49.576.376	66.322.415
- Thu tiền thuê nhà Cao ốc A Nguyễn Kim	8.863.057	5.332.064
- Thu tiền bán nhà Cao ốc B Ngô Gia Tự	2.076.082.037	2.169.533.635
- Thu tiền thuê nhà Cao ốc B Ngô Gia Tự	2.142.697	2.142.697
- Thu tiền nhà ở TĐC B29-C30	-	88.351.370
- Phí sửa chữa - Bán nhà 397A & J8	33.821.964	33.821.964
- Tiền thuê nhà Cao ốc B Nguyễn Kim	9.635.327	9.578.581
- Phí sửa chữa - Bán nhà Cao ốc A Ngô Gia Tự	612.661	4.866.122
- Phí sửa chữa - Bán nhà Cao ốc A Nguyễn Kim	1.659.421	2.199.123
- Phí sửa chữa - Bán nhà Cao ốc B Ngô Gia Tự	442.012.025	461.171.779
- Phí sửa chữa - Bán nhà Cao ốc B Nguyễn Kim	898.220.728	895.481.071
- Tiền thuê trệt lững Cao ốc A Ngô Gia Tự	302.675.500	436.734.829
- Tiền thuê trệt lững Cao ốc B Ngô Gia Tự	5.303.656.798	5.571.662.827
- Phải trả tiền Mặt bằng Quận giao (Đất)	270.271.289	1.992.496.059
- Phải trả tiền Mặt bằng Quận giao (Nhà)	39.006.453	386.590.911
- Phí giữ lại 5% của gói thầu duy tu thoát nước	424.661.155	1.584.784.204
- Phải trả chi phí di dời tái định cư	35.153.015	56.835.659
- Phải trả khác - Phí quản lý bán, thuê nhà các C/cư, cao ốc	-	1.556.933.089
- Phải trả chi phí tiền com, công tác phí bổ sung cho nhân viên	905.110.039	111.852.212
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.010.480	-
- Phải trả khác - Tiền thuê nhà 7 căn thuộc 31 căn Quận đầu tư	3.714.000	-
Tổng cộng	11.172.037.680	15.975.525.272

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

b. Phải trả dài hạn khác		31/12/2021	01/01/2021	
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)		13.616.213.993	15.392.807.369	
Tổng cộng		13.616.213.993	15.392.807.369	
(*) Là khoản tiền đặt cọc thuê nhà theo các hợp đồng và các khoản tiền đặt cọc thuê các gian hàng Cao ốc như Nguyễn Kim, Ngô Gia Tự, ...				
- Đặt cọc thuê mặt bằng cao ốc a Ngô Gia Tự với Công ty CP BĐS Dân Xuân		-	500.000.000	
- Đặt cọc thuê mặt bằng cao ốc B Ngô Gia Tự với Công ty CP DT pt Sài Gòn COOP		500.000.000	500.000.000	
- Đặt cọc thuê gian hàng tại TTKD ĐM-ĐT Nhật Tảo với các tiểu thương		8.810.000.000	8.810.000.000	
- Đặt cọc thuê gian hàng tại Phố đi bộ đêm với các tiểu thương		412.993.750	980.000.000	
- Đặt cọc thuê gian hàng tại Kios Phường 6 với các tiểu thương		800.000.000	860.000.000	
- Đặt cọc thuê tầng lửng cao ốc a Ngô Gia Tự với Cty BĐS Phạm Tùng		-	420.000.000	
- Đặt cọc thuê mặt bằng B5-C30 Thành Thái với Cty TNHH ĐT BĐS Bình An		-	126.000.000	
- Đặt cọc thuê mặt bằng B31-31.1 khu C30 với Công ty CP Kasati		600.000.000	600.000.000	
- Đặt cọc thuê mặt bằng Lô G C/cư Ngô Gia Tự với Cty TNHH TM-DV Minh Nguyễn Phát		300.000.000	300.000.000	
- Đặt cọc thuê mặt bằng Lô A C/cư Ngô Gia Tự với Cty TNHH MTV Trương Đăng Phúc		100.000.000	100.000.000	
- Đặt cọc thuê mặt bằng tại Công viên Z756 với Cty CP Viva International		1.000.000.000	1.000.000.000	
- Đặt cọc thuê mặt bằng 58/10 Thành Thái với Cty BĐS Phạm Tùng		-	165.000.000	
- Đặt cọc thuê mặt bằng 206 Lý Thường Kiệt với Cty CP Viva International		120.000.000	120.000.000	
- Các khoản Đặt cọc và ký quỹ thực hiện các hợp đồng khác.		973.220.243	911.807.369	
16. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		31/12/2021	01/01/2021	
- Các khoản công nợ tiền thuê nhà thuộc SHNN		22.676.183.633	17.079.959.798	
Tổng cộng		22.676.183.633	17.079.959.798	
17. Quỹ khen thưởng phúc lợi	01/01/2021	Tăng	Giảm	31/12/2021
Quỹ KTPL của nhân viên	6.701.250.768	6.349.505.917	4.224.593.795	8.826.162.890
Quỹ KTPL của Ban điều hành	743.939.049	303.250.000	462.336.540	584.852.509
- Số dư cuối năm	7.445.189.817	6.652.755.917	4.686.930.335	9.411.015.399
18. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		31/12/2021	01/01/2021	
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		2.128.786.658	1.679.355.581	
Tổng cộng		2.128.786.658	1.679.355.581	

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư (01/01/2020)	53.856.395.109	4.715.572.600	62.532.567	58.634.500.276
Lãi trong năm trước			5.995.912.633	5.995.912.633
Trích lập các quỹ			(6.058.445.200)	(6.058.445.200)
Số dư (01/01/2021)	53.856.395.109	4.715.572.600	-	58.571.967.709
Tăng vốn năm nay				-
Giảm trong năm				-
Lãi trong năm			6.640.155.917	6.640.155.917
Trích lập các quỹ			(6.640.155.917)	(6.640.155.917)
Số dư (31/12/2021)	53.856.395.109	4.715.572.600	-	58.571.967.709



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

		31/12/2021	01/01/2021
b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu			
Vốn góp của nhà nước		53.856.395.109	53.856.395.109
- Ủy Ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh		53.856.395.109	53.856.395.109
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
+ Vốn góp đầu năm		53.856.395.109	53.856.395.109
+ Vốn góp tăng trong năm		-	-
+ Vốn góp giảm trong năm			
+ Vốn góp cuối năm		53.856.395.109	53.856.395.109
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-	-
d. Quỹ đầu tư phát triển		Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu năm		4.715.572.600	4.715.572.600
- Số dư cuối năm		4.715.572.600	4.715.572.600
20. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
a. Nguồn kinh phí		Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu năm		258.313.456	291.899.566
Tăng trong năm		678.186.920	121.957.527
-Thu hộ		678.186.920	155.720.237
-Điều chỉnh thu trong năm			(33.762.710)
Giảm trong năm		799.977.683	155.543.637
-Chi hộ		799.977.683	155.543.637
- Số dư cuối năm		136.522.693	258.313.456
b. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu năm		65.378.095.034	67.215.812.415
Tăng trong năm		294.383.058	876.390.340
Giảm trong năm		31.358.761	2.714.107.721
- Số dư cuối năm		65.641.119.331	65.378.095.034



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	Năm nay	Năm trước
01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	92.879.417.405	97.067.074.733
- Doanh thu dịch vụ công ích (nguồn ngân sách)	40.252.663.442	45.411.668.562
Trong đó: <i>Doanh thu kế hoạch chính - Cây xanh</i>	<i>4.518.579.395</i>	<i>2.220.581.130</i>
<i>Doanh thu kế hoạch chính - Thoát nước</i>	<i>13.462.233.800</i>	<i>13.385.153.878</i>
<i>Doanh thu kế hoạch chính - Vệ sinh</i>	<i>14.881.144.124</i>	<i>21.608.144.099</i>
<i>Doanh thu kế hoạch chính - Vận chuyển</i>	<i>7.390.706.123</i>	<i>8.197.789.455</i>
- Doanh thu - Thu tiền thuê nhà SH NN	11.271.621.077	11.742.632.503
- Doanh thu dịch vụ công ích (ngoài ngân sách)	19.598.630.077	16.845.157.611
- Doanh thu TTĐM Nhật Tảo, Kios Phường 6, Phố đi bộ	8.883.945.068	10.947.585.425
- Doanh thu Hoạt động khác - Mặt bằng công ty quản lý	666.363.638	1.743.090.909
- Doanh thu BQL VH chung cư	7.944.547.597	7.820.817.826
- Doanh thu Hoạt động khác - Công trình xây dựng	3.603.930.132	1.587.340.041
- Doanh thu cao ốc B Nguyễn Kim, nhà vệ sinh Z756	648.625.464	957.872.765
- Doanh thu khác	9.090.910	10.909.091
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	92.879.417.405	97.067.074.733
02. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ công ích (nguồn ngân sách)	36.530.505.159	39.500.886.656
Giá vốn - Thu tiền thuê nhà SHNN	11.271.621.077	11.742.632.503
Giá vốn dịch vụ công ích (ngoài ngân sách)	11.373.537.953	10.408.419.523
Giá vốn TTĐM Nhật Tảo, Kios Phường 6, Phố đi bộ	7.696.303.985	8.722.261.672
Giá vốn Hoạt động khác - Mặt bằng công ty quản lý	994.005.434	1.053.062.128
Giá vốn BQL VH chung cư	7.339.004.423	7.224.007.126
Giá vốn Hoạt động khác - Công trình xây dựng	3.048.097.044	1.523.218.019
Giá vốn cao ốc B Nguyễn Kim, nhà vệ sinh Z756	648.625.464	957.872.765
Tổng cộng	78.901.700.539	81.132.360.392
03. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	2.343.606.180	3.210.803.655
Tổng cộng	2.343.606.180	3.210.803.655

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Năm nay	Năm trước
04. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	5.330.908.524	5.752.181.548
Chi phí đồ dùng văn phòng	820.163.746	415.046.496
Chi phí khấu hao tài sản cố định	504.023.328	509.171.195
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.232.795.088	3.478.629.391
Chi phí bằng tiền khác	1.425.482.477	1.557.689.719
Tổng cộng	10.317.373.163	11.716.718.349
05. Thu nhập khác		
Các khoản phải trả khác phí quản lý không chi trả	2.068.616.372	-
Thu hoàn nhập quỹ KHCN	160.621.025	307.871.326
Thu nhập khác	287.591.846	595.641.587
Tổng cộng	2.516.829.243	903.512.913
06. Chi phí khác		
Các khoản chậm nộp thuế	2.516.176	20.212.811
Chi phí khác	-	6.773.169
Tổng cộng	2.516.176	26.985.980
07. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.518.262.950	8.305.326.580
Cộng các khoản chi phí không được trừ	4.667.328.677	7.706.689.530
+ Chi phí thu gom rác dân lập chi cho người lao động	4.664.812.501	7.679.703.550
+ Các khoản chi phí không được trừ	2.516.176	26.985.980
Các khoản điều chỉnh tăng tính thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	13.185.591.627	16.012.016.110
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.637.118.325	3.202.403.222
Chi phí thuế TNDN miễn giảm (30%)	791.135.498	960.720.967
Chi phí thuế TNDN do hoàn nhập quỹ KHCN	32.124.205	67.731.692
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.878.107.033	2.309.413.947

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

08. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu;	9.724.133.720	8.492.469.676
Chi phí nhân công;	33.736.842.186	33.959.338.994
Chi phí khấu hao tài sản cố định;	4.109.583.409	3.930.914.267
Chi phí dịch vụ mua ngoài;	17.110.616.032	24.977.652.493
Chi phí khác bằng tiền.	24.540.414.531	21.515.689.291
Tổng cộng	89.221.589.878	92.876.064.721

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác nhận giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.478.454.735		17.248.895.211	
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	34.313.155.920		26.234.786.400	
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	39.000.000.000	-	54.100.000.000	-
Tổng cộng	94.791.610.655	-	97.583.681.611	-

Công nợ tài chính

	31/12/2021	01/01/2021
Phải trả người bán, phải trả khác	27.613.860.978	32.834.771.131
Chi phí phải trả	182.097.303	346.850.251
Tổng cộng	27.795.958.281	33.181.621.382

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá trị thị trường có các loại rủi ro: Rủi ro tiền tệ, Rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

(i) Quản lý rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng tiền Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Rủi ro tiền tệ của Công ty là không có vì Công ty không sử dụng tiền bằng ngoại tệ.

(ii) Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty có các rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải chịu lãi suất. Hiện tại Công ty ghi nhận các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính theo nguyên tắc giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Do vậy, Công ty chỉ chịu rủi ro về luồng tiền đối với các khoản lãi suất phải thu / phải trả. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng và tiền gửi có kỳ hạn của Công ty.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động lãi suất đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn cụ thể được ban hành bởi các cơ quan quản lý. Tuy nhiên, Công ty đánh giá rủi ro về lãi suất của là không đáng kể.

(iii) Quản lý rủi ro về giá khác (Rủi ro về giá cổ phiếu)

Công ty không có rủi ro về giá (rủi ro cổ phiếu)

b. Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và công cụ tài chính khác).

Đối với các khoản phải thu, Công ty thường xuyên theo dõi và đánh giá các khoản phải thu và lập dự phòng phải thu khó đòi kịp thời cho từng khách hàng (nếu có) khi lập báo cáo tài chính.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

c. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản của Công ty được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thoả thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.478.454.735		21.478.454.735
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	34.313.155.920	-	34.313.155.920
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	39.000.000.000		39.000.000.000
Tổng cộng	94.791.610.655	-	94.791.610.655
Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	13.997.646.985	13.616.213.993	27.613.860.978
Chi phí phải trả	182.097.303		182.097.303
Tổng cộng	14.179.744.288	13.616.213.993	27.795.958.281
Chênh lệch thanh khoản thuần	80.611.866.367	-13.616.213.993	66.995.652.374

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2021

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.248.895.211		17.248.895.211
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	26.234.786.400	-	26.234.786.400
Tổng cộng	43.483.681.611	-	43.483.681.611
Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	17.441.963.762	15.392.807.369	32.834.771.131
Chi phí phải trả	346.850.251		346.850.251
Tổng cộng	17.788.814.013	15.392.807.369	33.181.621.382
Chênh lệch thanh khoản thuần	25.694.867.598	-15.392.807.369	10.302.060.229

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu được từ các tài sản tài chính đáo hạn.

2. Số liệu so sánh

Số liệu đầu năm được điều chỉnh theo Thông báo kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Phòng tài chính Ủy ban nhân dân Quận 10 các khoản điều chỉnh cụ thể như sau:

	Số dư theo Biên bản kiểm tra Phòng TC-UBND Quận 10	Số dư theo BCTC tại ngày 31/12/2020	Chênh lệch
Các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán			
- Phải thu ngắn hạn khác	1.850.079.960	1.851.557.680	(1.477.720)
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.721.725.733	3.721.926.408	(200.675)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.445.189.817	7.446.422.530	(1.232.713)
- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	1.679.355.581	1.679.399.913	(44.332)
Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.716.718.349	11.715.284.961	1.433.388
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.309.413.947	2.309.614.622	(200.675)
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.995.912.633	5.997.145.346	(1.232.713)

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

3. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan là các viên chức quản lý

Mối quan hệ

Ông Nguyễn Tấn Mỹ

Chủ tịch

Ông Tạ Bằng

Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 25/06/2021)

Ông Huỳnh Hữu Huy

Thành viên

Bà Đặng Thị Mộng Tuyền

Kiểm soát viên

Ông Nguyễn Văn Thảo

Giám đốc

Ông Trần Văn Tuấn

Phó Giám đốc

Ông Nguyễn Minh Thông

Phó Giám đốc

Bà Lâm Thị Tuyết Nhung

Kế toán trưởng

Tổng quỹ lương thực hiện viên chức quản lý trong năm: 2.426.000.000 đồng

Tổng lương viên chức quản lý đã nhận trong năm: 1.523.521.093 đồng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ngày 07/5/2019 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 1738/QĐ-UBND về quy định phân công thực hiện Quy trình chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần. Công ty đang tiến hành các thủ tục theo quy định.

Trừ vấn đề nêu trên, không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022



Phạm Ngọc Thu
Người lập biểu



Lâm Thị Tuyết Nhung
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thảo
Giám đốc

